

PHƯƠNG THỨC DIỄN XƯỚNG THEN GIẢI HẠN CỦA NGƯỜI TÀY Ở HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

PHẠM THỊ THU HÀ

1. Mở đầu

Chi Lăng là một huyện phía Nam của tỉnh Lạng Sơn, tổng diện tích tự nhiên là 703 km² và dân số gần 80.000 người. Chi Lăng là địa bàn quần cư lâu đời của nhiều dân tộc như: Tày, Nùng, Kinh, Hoa..., trong đó người Tày là một cư dân tại chỗ có nền văn hoá lâu đời và đặc sắc.

Cũng như các dân tộc khác, trong quá trình tồn tại và phát triển, dân tộc Tày đã sáng tạo ra một di sản văn hoá quý báu, đó chính là *Then*. *Then* là một hình thức sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng lâu đời của người Tày ở Lạng Sơn nói riêng và ở Việt Bắc nói chung. *Then* từ lâu đã gắn với cuộc sống tinh thần của các dân tộc Tày - Nùng, có vị trí quan trọng trong đời sống thường ngày và đời sống tâm linh. Đây là một loại hình nghệ thuật tổng hợp có văn học, âm nhạc, múa, mỹ thuật được lưu truyền rộng rãi trong quần chúng. Nhiều người rất thích nghe hát *Then*, đón *Then* về đàn hát để giải sầu, chữa bệnh, giải hạn, cầu yên... và ngay cả khi có những việc vui trong gia đình.

Khái niệm về “*Then*”, cho đến nay cũng chưa có một định nghĩa thật rõ ràng, nhưng tất cả mọi cách giải thích đều đi đến một quan niệm chung gần thống nhất. *Then* là “*tiên*” (có nơi gọi là “*sliên*”), là con của trời. Họ là người giữ mối liên hệ giữa người

trần gian với Ngọc Hoàng và Long Vương. Khi họ làm *Then*, họ đại diện cho người trời cứu giúp người trần gian được tai qua, nạn khỏi. *Then* đã khoác lên mình một màu sắc huyền bí, linh thiêng để thực hiện sứ mệnh cao cả ấy. *Then* được coi là “*thầy thuốc chữa bệnh*”, là những “*nghệ sĩ dân gian*” của bản làng. Với tư cách là “*thầy thuốc chữa bệnh*”, *Then* đem đến cho người bệnh liều thuốc tinh thần và giải toả về mặt tâm lý nào đó của người bệnh. Còn với tư cách là “*nghệ sĩ dân gian*”, *Then* thực sự là một nghệ sĩ đa tài được nhiều người hâm mộ và yêu mến. *Then* không những là người giỏi văn, thơ mà còn biết múa những điệu dân vũ của dân tộc. Trong những lễ làm *Then*, với không khí linh thiêng, huyền hoặc, người nghệ sĩ ấy cuốn hút người nghe, người xem bằng chính tài năng và nghệ thuật của mình.

Vấn đề về *Then* đã được nhiều người quan tâm sưu tầm, nghiên cứu. Có thể kể đến *Lời hát Then* của Dương Kim Bội (1975), *Mấy vấn đề về Then Việt Bắc* (Nhiều tác giả, 1978), *Put Tày* (Lục Văn Páo, 1992), *Then Tày - những khúc hát* (Triều Ân, 2000), *Then Tày* (Nguyễn Thị Yên, 2006)... Những tác phẩm này chủ yếu phân tích về nội dung lời ca cũng như giá trị văn học trong *Then*.

Năm 1998, trong Hội thảo quốc tế Việt Nam học, tác giả Nguyễn Thị Hiền với

báo cáo “*Người diễn xướng Then - nghệ nhân hát dân ca và thầy Saman*” đã khẳng định người diễn xướng Then không những là nghệ nhân hát dân ca mà còn là một thầy cúng - thầy Saman thực thụ, cho đến năm 2000, bài viết này đã được đăng trên số 5 của Tạp chí Văn học (Nguyễn Thị Hiền, 2000).

Tháng 4 năm 2001, Hội thảo quốc tế “*Tín ngưỡng thờ Mẫu và lễ hội Phủ Dày*” do Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia phối hợp với UBND tỉnh Nam Định đã được tổ chức ở Hà Nội. Hội thảo đã tập trung nhiều bài viết về các hình thức Saman của các dân tộc ở Việt Nam và châu Á. Tham gia Hội thảo này có 3 bài viết về Then: “*Saman giáo trong Then của người Tày*” (Nguyễn Thị Yên); “*Căn nguyên trở thành Then trong xã hội Tày - Nùng Văn Quan, Lạng Sơn*” (Đoàn Thị Tuyên); “*Bước đầu so sánh nghi lễ Hầu đồng của người Việt và nghi lễ Then của người Tày*” (Võ Quang Trọng).

Ngoài ra, Then cũng là đề tài của nhiều luận văn cao học, tiến sĩ như: “*Lầu Then Bjoóc mạ của người Tày huyện Vị Xuyên, Hà Giang*” (Hoàng Đức Chung, 1999); “*Đạo Then trong đời sống tâm linh của người Tày - Nùng Lạng Sơn*” (Đoàn Thị Tuyên, 1999); “*Then cấp sắc của người Tày huyện Quảng Uyên, Cao Bằng*” (Nguyễn Thị Yên, 2005).

Như vậy, Then đã được nghiên cứu, xem xét ở nhiều góc độ, phương diện từ việc nghiên cứu Then như một hình thức sinh hoạt văn nghệ đến yếu tố tâm linh trong Then. Tuy nhiên, xem xét Then dưới khía cạnh giải hạn thì hầu như còn chưa được quan tâm nghiên cứu sâu. Vì thế bài viết này cung cấp thêm nguồn tư liệu thực tế về Then giải hạn trong đời sống người Tày ở huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Quan niệm về số mệnh, các hạn của con người và Then giải hạn của người Tày ở Chi Lăng

Trong các hình thức Then còn tồn tại ở Chi Lăng hiện nay, Then giải hạn chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của đồng bào Tày - Nùng và cũng là loại hình Then phổ biến nhất. Thực tế cho thấy hiện nay số lượng người hành nghề Then trên địa bàn huyện khá nhiều¹ và nhu cầu mời họ về cúng lễ còn tồn tại khá phổ biến. Điều đó cho phép khẳng định rằng Chi Lăng chính là một vùng Then của người Tày xứ Lạng.

Theo quan niệm của người Tày Chi Lăng, số mệnh con người được hình dung như những chiếc cầu (cầu đường đời); cho nên, muốn khoẻ mạnh, trường thọ thì họ phải “sửa sang lại cầu cho chắc chắn”. Qua khảo sát, có những cầu cơ bản sau: cầu hung, cầu ác, cầu xung, cầu khắc, cầu tiêu liên (hay ốm yếu), cầu rạn (cầu duyên), cầu tổn (cầu học trò)... Những ai bị trúng vào một trong các cầu trên thì phải cắt cầu, nghĩa là phải mời Then đến nhà làm lễ giải hạn.

Cũng theo quan niệm dân gian của người Tày Chi Lăng, khi con người sinh ra, mệnh có thể gặp 1 trong 36 cái hạn, gọi là “hạn 36 con quan”. Những người rơi vào hạn trên thì phải làm lễ giải hạn. Ngoài một số hạn chính này, tùy từng tuổi, năm, từng mệnh người mà phải làm lễ giải một số hạn phụ nhỏ trong năm. Từ 12 tuổi trở xuống, những đứa trẻ nào bị rơi vào cung “hạn quan” thì cũng phải tổ chức lễ cúng giải

¹ Huyện Chi Lăng có 19 xã, trung bình cứ mỗi xã có 3 người làm Then.

hạn². Từ 16 tuổi trở lên con người có hạn theo chu kỳ đời người. Hạn theo chu kỳ đời người được cụ thể như sau:

Chu kỳ thứ nhất: ở tuổi 37

Chu kỳ thứ hai: ở tuổi 49

Chu kỳ thứ ba: ở tuổi 61

Chu kỳ thứ tư: ở tuổi 73...

Như vậy, quãng thời gian đến hạn đó gần ứng với 1 giáp (12 năm), nghĩa là trong 12 năm phải giải hạn. Hạn có 2 loại: hạn chính và hạn phụ. Hạn phụ phải giải trước đó từ 1 đến 2 năm (nếu hạn ở tuổi 37 thì tổ chức giải hạn ở tuổi 35 hoặc 36). Theo người Tày Chi Lăng, con người ta sống đến tuổi 37 tròn 3 giáp, tuổi 49 tròn 4 giáp, tuổi 61 tròn 5 giáp... Đến tuổi này con người đã có hiện tượng sức khoẻ giảm, mắt mờ, răng yếu. Họ cho rằng sở dĩ người yếu đi là do “bịch gạo hồn”, cây mệnh trên thiên đình đã voi đi, gạo voi thì người mệt mỏi, cây mệnh lá vàng héo thì người ốm đau. Muốn cho người khoẻ mạnh phải mời Then hoặc Tào đến nhà làm lễ “*Pủ lường*”, “*chay mạy mình*” (Bổ thêm lương thực vào “bịch gạo hồn”, trồng lại cây mệnh cho tươi tốt).

Cũng vậy, theo truyền thống của người Tày, khi một gia đình không may gặp rủi ro hay một thành viên trong gia đình bị ốm, họ mời bà Then đến nhà làm lễ giải hạn, trình diễn một buổi hát Then với tư cách là một nghệ sĩ dân gian hát cho vui cửa, vui nhà và đồng thời như là thầy Saman thoát hồn đi đến thế giới vô hình tiếp xúc với thần

thánh. Người Tày quan niệm rằng may rủi, ốm đau bệnh tật là do một hay nhiều “vía” bị mất hoặc tách ra khỏi cơ thể, đi lang thang trong thế giới vô hình. Nhiệm vụ của người trình diễn Then giải hạn không những hát đi đến các cửa Then mà còn làm nhiều thủ tục lễ nghi xua đuổi tà ma và gọi vía về đoàn tụ với cơ thể. Như vậy, bản chất cốt lõi của Then giải hạn là sự thoát hồn của người làm Then đến thế giới vô hình để gọi vía. Then giống như các hiện tượng Saman giáo khác, được xác định như là hình thức tôn giáo dân dã mà người trình diễn thoát hồn trong trạng thái ngây ngất của ý thức.

Như vậy, Then giải hạn ở Chi Lăng thường diễn ra dưới nhiều dạng thức khác nhau:

- Giải hạn khi gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn.
- Giải hạn cho thành viên trong gia đình bị ốm hoặc tai nạn rủi ro.
- Giải hạn khi trẻ nhỏ khó nuôi.
- Giải hạn để nối số cho người già.
- Giải hạn để cất cầu khi người nào đó bị rơi vào tình thế hiểm nguy.

3. Phương thức diễn xướng Then giải hạn

Về khái niệm “diễn xướng”, nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì đó là các hoạt động sân khấu, nhảy múa, âm nhạc, còn hiểu theo nghĩa rộng thì đó là các hoạt động văn hoá của con người. Theo các nhà nghiên cứu văn hoá dân gian trên thế giới thì “nghiên cứu diễn xướng là nghiên cứu sự vận động của các hiện tượng văn hoá, đòi hỏi người nghiên cứu phải có óc quan sát, khả năng miêu tả trên nhiều phương diện của hành động” (Nguyễn Thị Yên, 2006, tr. 36).

² Theo quan niệm của người Tày ở đây, cung “hạn quan” thường rơi vào trẻ em. Những đứa trẻ này bị quan trên trời nắm giữ; từ 12 tuổi trở lên, trẻ mới thực sự được coi là con cái trong gia đình, không bị hạn quan đe dọa nữa.

3.1. Nghi thức và nghi lễ

Khi đến ngày làm lễ giải hạn, gia đình phải cử 1 người tiến hành đi đón Then. Khi đi, người này chỉ cần mang theo hoa quả, một ít tiền, trầu cau (lễ vật này tùy từng nơi nhưng đa phần đơn giản, phù hợp với khả năng kinh tế của gia chủ). Trước khi đi hành lễ, Then thấp hương trình báo với Ngọc Hoàng, tổ tiên, tổ sư của Then phù hộ cho việc làm lễ của mình được thuận lợi. Hồn Then hay những lời cầu nguyện của Then sẽ theo làn khói hương đi lên trời báo cáo. Khi ra khỏi nhà, Then vừa đọc lời khấn, vừa lấy gạo ném ra phía trước hai bên đường cho ma đói, ma chợ ăn rồi tránh đi. Khi đón bà Then đến nhà, gia chủ thường phải chọn một người giải chiếu và đặt bát hương lên mâm Then. Đó là người có tính tình cởi mở. Có như vậy bà Then mới làm dễ dàng.

Đồ lễ có ý nghĩa quan trọng trong diễn xướng Then, vì nó biểu hiện cho lòng thành của gia chủ để thờ cúng tổ tiên và thần thánh. Lễ vật trong các buổi Then rất đa dạng và có sự khác nhau giữa các vùng người Tày. Tôi quan sát thấy buổi Then giải hạn ở Chi Lăng có 3 mâm lễ:

- *Mâm slây* (mâm Then): Mâm này được đặt trước bàn thờ của gia chủ, được đồ đầy gạo, trên mâm có 5 chén rượu, 1 đĩa hoa quả, trầu cau, 1 bao thuốc lá, 1 cành lá đào (những loại lá đắng như lá đào, lá mận được dùng để tẩy uế, đuổi vía bẩn), trên mâm có tất cả 3 bát hương³.

- *Mâm chay* (mâm khoăn): Mâm này được dùng để trả lễ hoặc tiến dâng cho Bà

mụ đã có công sinh thành và nuôi dưỡng con người. Trên mâm có 1 bát hương, 1 quả trứng, 5 chén rượu, 5 chén chè, 2 bát xôi, 10 bánh chay.

- *Mâm ghi* (mâm giải): Mâm này dùng để đặt đồ lễ cúng hồn ma là quỷ dữ, ma xấu ăn rồi đuổi chúng đi. Mâm này gồm 3 sinh lễ bao gồm 2 con gà luộc và 1 thủ lợn.

Trước cửa nhà gia chủ có dựng 1 cây chuối và 1 con gà trống (sống) nhốt trong lồng. Theo quan niệm của người Tày, cây chuối tượng trưng cho sự sinh sôi, nảy nở, may mắn đến với những thành viên trong gia đình; còn con gà trống có tác dụng đưa đường cho Then tới các cửa của nhà trời.

Tôi nhận thấy rằng, lễ vật trên 3 mâm Then đều rất gần gũi với con người. Trong Then những lễ vật này là đồ lễ mang tính tượng trưng để cúng thần linh và tổ tiên với 2 lý do: Thứ nhất, nó biểu hiện chung lòng biết ơn và tôn kính tới các đấng thần linh, tổ tiên và đấng tối cao; thứ hai, đó là nỗi lo thất thế, lo bị ma dữ và hồn ma lang thang quấy nhiễu.

Những lễ vật như lợn, gà, hoa quả, bánh trái... còn là tài sản của gia chủ được lý giải như là sự đầy đủ ở cuộc sống nơi trần gian, đồng thời cũng phản ánh trí tưởng tượng của người Tày Chi Lăng luôn gắn tín ngưỡng với hiện thực cuộc sống.

3.2. Thời gian và không gian diễn xướng

Người Tày ở Chi Lăng thường tổ chức giải hạn vào mùa xuân (đầu xuân năm mới) để đón sự tốt lành và may mắn với con người. Họ cũng có thể giải hạn vào cuối năm (tháng 12) gọi là “*tống thao*”, để xua đuổi những gì không tốt đẹp, uế tạp trong năm cũ. Then thường không đi hành lễ vào những tháng mùa hè, trừ việc đi chữa bệnh. Theo

³ Theo truyền thuyết, 3 bát gạo ở mâm Then thờ 3 cô: Vân Tiên, Quỳnh Tiên, Bích Vân là tổ của ngành Then, Pụt. Tuy nhiên, trong các tài liệu không nói rõ về 3 nhân vật này nên tôi chưa có dịp tìm hiểu kỹ.

các cụ bà ở Chi Lăng giải thích: Vì mùa hè là mùa mưa to, lũ lớn, nước đục, Then khó nhìn thấy đường. Mặt khác, những tháng mùa hè là những tháng bận rộn gieo trồng, chăm sóc, gặt hái, phơi phóng các loại ngũ cốc, lương thực. Hơn nữa, nếu làm những lễ giải hạn đó thì gia đình phải chuẩn bị nhiều lễ, mất nhiều thời gian trong khi đang bận rộn với công việc ngày mùa:

Tiết xuân mùa hạ người gieo mạ
 Hạ thiên sang tháng 5 mùa cấy
 Gió tháng 8 làm lúa trở bông
 Tháng 9 cuối thu người gặt hái.

Không gian diễn xướng Then giải hạn có phạm vi hẹp tại một góc nhà của gia chủ. Bà Then ngồi trước mâm *Slây* (mâm Then), mọi hoạt động nghi lễ đều diễn ra ở đây. Một buổi Then giải hạn thường kéo dài từ 12 đến 15 tiếng. Trong ngày tổ chức lễ, gia chủ mời nhiều cụ bà thuộc họ hàng đến phụ giúp xóc nhạc, thắp hương, đốt vàng mã nên suốt thời gian hành lễ, bà Then tập trung vào diễn xướng đàn, hát. Mặc dù Then giải hạn mang tính chất nghi lễ, tín ngưỡng nhưng nó vẫn hấp dẫn người nghe đến kỳ lạ. Họ chờ đón, nghe ngóng và truyền tin cho biết gia đình nào, làng nào sẽ có Then. Người đến nghe nhiều khi không quan tâm tới mục đích của buổi Then mà tiếng đàn, tiếng hát và những câu chuyện thần thoại, truyền thuyết về thế giới tưởng tượng đã lôi cuốn lòng người. Tiếng nhạc khi thì êm ái, thanh thản, vui tươi cùng với tiếng hát lúc cao vút, lúc buồn man mác đã gọi người đến và giữ họ lại nghe. Không khí của buổi lễ Then giải hạn thay đổi tùy thuộc vào nội dung của từng chương đoạn diễn xướng. Tiếng cười, tiếng nói của người nghe xen lẫn tiếng hát của bà Then đã làm dịu bớt không khí ảm đạm, u buồn của nghi lễ. Lời ca bằng

tiếng dân tộc hoà cùng giai điệu đàn nhạc đã tạo cho Then có sự hấp dẫn y như một sân khấu hoàn chỉnh: có tích trò, tích truyện với những éo le của nhân vật.

3.3. Trình tự các bước nghi lễ

3.3.1. Lễ quét nhà, tẩy ւế

Đây là việc làm đầu tiên của bà Then để chuẩn bị cho lễ giải hạn. Bà Then lấy bát nước lá đào vẩy từ chỗ ông Táo ra đến cửa, sau đó Bà đổ bát nước đi rồi úp xuống đất, cắm 1 con dao trước cửa thể hiện ւế tạp không quay lại nữa. Lúc này, gia chủ cũng chuẩn bị sẵn một nồi nước lá bưởi thơm và đặt trước bàn thờ, từ từ mở vung để hơi thơm bốc lên phủ vào bàn thờ:

Tẩy rửa hoa trên bàn thờ mộc hương
 Nghi ngút thơm bốn phương lạ lùng
 Sáng lọt tới cửa trùng tiềm thông
 Ai ai cũng vui mừng hả dạ

3.3.2. Trình tổ (Trình đằm)

Bà Then trình báo với tổ tiên lý do của buổi lễ (tâu trình cụ thể: họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ...) của những thành viên trong gia đình, đồng thời báo cáo những lễ vật đã dâng.

3.3.3. Đốt hương đón bình (Soi hương lập mạ)

Nội dung chủ yếu của đoạn này là chiêu binh, chiêu tướng, tựa như một cuộc hành quân. Những người làm Then cho rằng trong tay có một đội quân nhất định, trước khi làm một việc đại sự cho gia chủ, Then phải chiêu binh và mỗi khi chiêu binh người ta đốt hương nghi ngút để đoàn quân dễ đi vì đây là đang bước sang một thế giới khác, đêm ngày đảo lộn trái ngược nhau. Lúc này, bộ xóc nhạc được rửa qua bằng rượu, sau đó được lau thật khô bằng giấy bản, người ta

gọi nghi thức này là “áp ngựa” (tắm ngựa). Việc làm này có ý nghĩa để giúp cho ngựa nhà Then đi nhanh hơn.

3.3.4. Cửa Thổ Công (Tu Thổ Công)

Sau khi rời nhà đi đến thế giới vô hình, bà Then khẩn thần Thổ Công. Theo quan niệm của Then, thuở mới khai thiên lập địa, giữa hạ giới và thượng thiên có một con đường: “Đời xưa còn được thông đi lại, còn thông đường hạ giới vắng lai”. Do nhân vật Lý Bạch đã ăn cắp ngựa ô của vua trời nên Ngọc Hoàng mới cấm chỉ con đường ấy. Người được giao trấn giữ, canh cổng trời là Thổ Công. Ngày nay, người trần mắt thịt không còn đường lên trời du ngoạn mà chỉ có Mo, Then là giới người mắt sáng mới biết đường đi. Chính vì thế, Then phải xin phép Thổ Công mở cửa để đoàn quân Then đi giải hạn. Sau khi đi qua cửa Thổ Công, gia chủ tiến hành hoá vàng trước đồ lễ (với ý nghĩa dâng vàng bạc tạ ơn), sau đó lên đường tới các cửa khác.

3.3.5. Cửa Thành Hoàng (Tu Thành Vàng)

Thành Hoàng cũng được coi là người có tuổi, hiểu biết rộng, phạm vi cai quản rộng hơn Thổ Công. Đoàn quân Then đến, ngoài việc trình bày lý do và thông báo thời gian diễn ra lễ, còn xin Thành Hoàng cho thêm nhân công đi cùng đoàn trong hành trình này. Vì thế tại cửa Thành Hoàng sẽ có những cảnh chia tay ngậm ngùi của các nhân công với gia đình, người thân:

Hiệu nam mong xong việc binh
Thì được ở chung với gia đình
Nay việc quan chưa xong
Vừa đi vừa nhớ
Chia tay không biết lúc nào
Gặp lại quý mẹ cao niên.

3.3.6. Cửa Táo Quân (Tu Táo Quân)

Táo Quân theo quan niệm dân gian, là vị thần bảo vệ người và gia súc, trông coi việc “quản lý hộ khẩu” trong gia đình. Khi lên đường, đoàn quân Then cũng xin Táo Quân giúp cho cuộc hành trình được bình an.

3.3.7. Bắt ve sầu (Khái pắt ngoàng)

Con đường Then đi biết bao gian nan vất vả, qua một con đường sơn lâm ngàn lạ, núi cao vực sâu, quân Then nghe thấy tiếng ve sầu. Nỗi buồn da diết của binh lính và phu phen từ biệt người thân thương của mình đi làm công vụ cho quan Then ngày tiếp ngày khôn nguôi, giờ lại nghe thấy tiếng ve sầu cất lên, lòng lại càng nhớ nhung. Bởi vậy, quân Then ra lệnh bắt hết ve sầu. Lúc này ve sầu đã kể lại cuộc đời đau buồn của mình: nàng là một cô gái xuân xanh mới 15 tuổi, bị bố mẹ ép duyên gả cho một cụ già 70 tuổi. Nàng than thân trách phận, ăn lá ngón tự tử, hồn nàng biến thành ve sầu vọng than thảm thương. Lúc này, tiếng đàn, tiếng hát nghe ai oán xót thương cho số phận con người, cảnh bắt ve sầu còn nói lên nỗi vất vả, cực nhọc của Then trên chặng đường tới cõi siêu hình.

3.3.8. Săn bắt hươu nai (Khái thẩu nạn quang)

Trên đường đi, quân Then phải bắt hươu nai để làm lễ tạ thiên đình, cuộc đi săn diễn ra khá rầm rộ, ráo riết. Chương đoạn này kể về tình cảm mẫu tử của mẹ con hươu nai làm người nghe rất xúc động. Nội dung đoạn Then đã phản ánh phần nào đời sống cư dân Tày xa xưa. Họ sống chủ yếu vào săn bắn các loại thú rừng, trong đó có hươu nai. Người Tày vẫn lưu truyền câu chuyện *Bó khai quang* (Mỏ sừng hươu), có thể chiếc sừng thần thoại, sắc nhọn gắn với hình ảnh

chiếc gậy chọc lỗ tra hạt trên các vùng rừng núi cao; qua đó, ta thấy được phương thức canh tác nông nghiệp của người Tày cổ.

3.3.9. Đi chợ Tam Quang (Háng Tam Quang)

Chợ Tam Quang là một chợ trên thiên giới, chợ lý tưởng của người dân miền núi, trên bến dưới thuyền, sầm uất đủ các mặt hàng. Theo quan niệm của Then, chợ Tam Quang trên thiên giới có 36 mặt hàng. Khi Then đến chợ Tam Quang, làn điệu Then chuyển sang khúc Then du dương biểu lộ tình cảm lưu luyến của chúa Then với các tiên nàng ở Tam Quang. Then lên chợ Tam Quang để mua thổ cẩm, mua lễ sắm cho Bà sinh.

3.3.10. Vượt biển (Khảm hải)

Đoạn này miêu tả đoàn quân Then vượt biển mênh mông, đường đi dài hàng ngàn hải lý để đưa lễ vật lên cúng Mừng trời. Biển mênh mông như thế nên quân Then phải đóng quân tại bến để triệu tập thêm quân lái đò (*sluông*) chèo thuyền đi hộ tống. *Sluông* là những người dân đánh cá ở bờ biển, hàng năm các đám tiến hương hoa tới Ngọc Hoàng, quân *sluông* thường bị bắt đi phu chèo thuyền mang lễ vật đến Ngọc Hoàng và Long Vương. Họ chia tay lưu luyến người thân, vợ chồng *sluông* dặn nhau trước giờ tiễn biệt:

Bỏ em một mình buồn da diết

Giá như được theo bước chân anh.

Những lời hát Then đã phản ánh nỗi cực nhọc, gian khó mà người phu chèo đò đã trải qua, đồng thời nói lên tình cảm vợ chồng thủy chung, khăng khít.

3.3.11. Cửa xung, cửa hạn (Cửa Nam Tào)

Đây là cửa để giải hạn cho những người già. Theo quan niệm về cái sinh và tử, ở

nơi thần Nam Tào - Bắc Đẩu, cho sống được sống, cho chết phải chết. Mỗi ngày Nam Tào điểm sổ cho 3.000 người sinh ra và 500 người chết đi. Vì vậy, trong Then giải hạn, mọi lễ vật phải được bày ra và cúng nạp ở cửa này để khao lao Nam Tào, báo cho Nam Tào gia đình có lễ “dâng sao giải hạn” và mong Nam Tào không chấm sổ nữa, mong quan ban phúc lành cho trường thọ, một trăm năm bạc đầu, nghi lễ giải hạn này còn được gọi là “nối số cho người già”. Những người già nghe thấy những câu hát Then ở chương này, ai cũng cảm thấy trong lòng phấn chấn vì họ sẽ được sống lâu với con cháu.

3.3.12. Cửa Mẹ Hoa (Bà sinh, bà mẹ, Hoa Vương Thánh Mẫu)

Những gia đình nào có trẻ nhỏ khó nuôi hoặc có người ốm đau thì phải giải hạn ở cửa này vì Hoa Vương Thánh Mẫu là nữ thần trông coi về tình yêu, hạnh phúc, con cái của thiên hạ. Bà là bà mẹ luôn che chở, dạy dỗ những đứa trẻ cách ăn, cách chơi nhưng ngược lại, nếu có người làm cho Bà phật ý, Bà có thể thu vía làm cho đứa trẻ biếng ăn, bệnh tật.

3.3.13. Đốt mã và khao binh khao tướng

Sau khi làm xong lễ giải hạn, tất cả những đồ lễ hàng mã đều được mang ra ngoài sân đốt hết với ý nghĩa là cấp cho Bà sinh, Bà mẹ đã có công sinh thành và nuôi dưỡng mình. Bà Then cúng “quan sao chúa hạn” để gia đình gặp may mắn và tốt lành. Then trình báo với tổ tiên công việc đã làm xong, đưa quân tướng về yên nghỉ tại bản doanh Then (bản thờ Then). Đồng thời tiến hành khao Thổ Công, Thành Hoàng và những nơi Then đã đi qua. Gia chủ mời Then ăn cơm xong rồi mang gạo, tiền, 1/2 mâm cỗ cúng và con gà trước cửa trả lễ cho Bà Then.

4. Lời kết

Như vậy, cấu trúc của diễn xướng Then giải hạn phụ thuộc vào mục đích của buổi lễ và cảm hứng của người làm Then. Dù hành trình Then phải trải qua nhiều cửa nhưng Then vẫn hấp dẫn quần chúng nhân dân vì trong đó chứa đựng những mẫu thần thoại, truyền thuyết của người Tày. Chính những câu chuyện đó đã làm cho buổi hát Then có sức cuốn hút mạnh mẽ, làm sống lại và tăng thêm tình cảm yêu thương của những thành viên trong gia đình, hàng xóm.

Nội dung lời ca là một trong những yếu tố quan trọng và thu hút nhiều người hâm mộ Then. Nội dung trong Then trước hết phản ánh tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng, ước mơ của người Tày, đồng thời thông qua đó mà phản ánh xã hội thực của người Tày - Nùng xưa. Đó là: nạn phu phen, tạp dịch, những cảnh ép duyên, cưỡng hôn, những cuộc chia ly não lòng... là hiện thực xã hội thời kỳ này. Then giải hạn đã phản ánh chân thực cuộc sống của người dân miền núi mà trước hết là môi trường tự nhiên, xã hội của người Tày với đặc trưng là nền kinh tế nông nghiệp. Có thể thấy làng bản và cuộc sống sinh hoạt thể hiện khá rõ trong hành trình Then mang lễ vật lên Mường trời: đầu bản có giếng nước, những cánh đồng lúa bát ngát... Qua đó ta thấy Mường trời hiện lên chẳng khác gì Mường người nơi họ sinh sống; nó như một sự "lộn ngược" của thế giới trần gian. Vì thực tại không đem đến hạnh phúc nên người ta phải tưởng tượng ra một thế giới mới: thế giới thần tiên, thế giới tinh thần ấy giúp con người tin tưởng vào một tương lai tươi sáng. Những chất liệu dân gian được đưa vào Then, hay nói cách khác, những yếu tố hiện thực - sinh hoạt được đưa vào Then vì vốn có cội nguồn từ cuộc sống sôi động, tươi xanh. Cho nên nó luôn luôn phát triển, nhiều

khi lần át yếu tố nghi lễ - tín ngưỡng; nó như hương ngàn gió núi ùa vào làm lung lay nhạt bớt khói hương trên mâm Then và do đó Then trở nên gần gũi với cuộc đời hơn.

Then giải hạn được lưu truyền trong khi nền văn học dân gian của người Tày đã phát triển khá cao. Xét về nghệ thuật biểu đạt, phản ánh, Then vừa là truyện, vừa là thơ, vừa tự sự vừa trữ tình. Một điều dễ nhận thấy rằng, dân tộc Tày - Nùng từ xưa đến nay yêu thích Then là bởi họ yêu thích một loại hình nghệ thuật diễn xướng tổng hợp độc đáo. Hình thức nghệ thuật ấy đã đi sâu vào lòng người và cảm hoá họ bằng nội dung và sức truyền cảm của giọng hát, bằng sự rung động của cây đàn cũng như đường nét, động tác đẹp mắt của nghệ thuật múa và trang trí mỹ thuật phong phú. Tất cả đã tạo ra một sự hài hoà về âm thanh và màu sắc, nó vừa mang tính nghiêm trang của nghi lễ, vừa mang tính nhiều vẻ của đời sống văn hoá dân tộc.

Bằng thủ pháp nghệ thuật mang đặc trưng riêng của mình, Then giải hạn đã đem lại niềm tin cho người bệnh như một sự giải toả tâm lý mà không phải loại hình cúng bái nào cũng làm được. Trong Then, yếu tố âm nhạc, lời ca có vai trò quan trọng đem lại cảm giác thăng hoa không những cho người ngồi đồng (Ông/Bà Then) mà còn cho cả người tham dự. Việc kết hợp giữa niềm tin vào thần linh với các sắc thái biểu cảm đa chiều của âm nhạc đã có tác động trực tiếp tới trạng thái tinh thần của con người.

Then giải hạn cũng như các lễ Then khác như: Then cấp sắc, Then cầu yên, Then chúc tụng... đều có trình tự và nội dung diễn xướng nhất định. Nhưng mỗi loại nghi lễ đó lại có tính chất và chức năng khác nhau nên nghệ thuật biểu diễn cũng không hoàn toàn

giống nhau. Ta thấy Then giải hạn là do gia chủ mời đến, thường diễn ra trong hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn; nó có phạm vi nhỏ diễn ra tại một góc nhà, mọi nghi lễ thủ tục đều do người làm Then đảm nhiệm nên công việc diễn ra linh hoạt, lời ca tiếng nhạc thâm trầm, nhỏ nhẹ, có sức chinh phục lòng người. Còn các nghi lễ lớn như Then cấp sắc có tính chất là ngày “Hội Then”, phải huy động đội ngũ hàng chục người làm Then biểu diễn như dàn đồng ca hợp xướng cùng nhiều trò vui tạo không khí ồn ào, náo nhiệt. Then cấp sắc là nghi lễ Then thuộc thủ tục nhà nghề, mọi sự giao hòa giữa người hát và người nghe không diễn ra tự nhiên như trong Then giải hạn. Khi so sánh, ta thấy Then giải hạn có cách thức diễn xướng gọn nhẹ mà linh động nên người diễn xướng Then như một nghệ sĩ hát dân ca đầy tài năng mà vẫn gần gũi với cuộc sống của người Tày Chi Lăng.

Trong lễ Then giải hạn, mục đích chính của người làm Then là thoát hồn đi đến các cửa để dâng lễ và xin thánh thần quyền năng hạn giải mọi bất hạnh trong cuộc sống. Then không đơn thuần thực hiện chức năng nghi lễ - giáo dục mà bao hàm ý nghĩa đấu tranh xã hội và biểu hiện triết lý nhân bản dân gian sâu sắc. Ở chừng mực nào đó, đem lại cho con người trí tưởng tượng phong phú và nguồn cảm xúc thẩm mỹ bằng hệ thống thần thoại, thơ mộng, kỳ vĩ với những hiểu biết chung về tự nhiên, con người dưới dạng tư duy bằng nghệ thuật. Điều cốt yếu là các sự vật trong Then rất gần gũi với cuộc sống dân tộc Tày, tâm tư và khát vọng của nhân vật trong truyện đã mang tâm tư, tình cảm của chính người nghe. Vì vậy, trải qua các giai đoạn lịch sử, Then giải hạn vẫn tồn tại và chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của người Tày Chi Lăng.

Tài liệu tham khảo

1. Triều Ân (2000), *Then Tày - những khúc hát*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Dương Kim Bội (1975), *Lời hát Then*, Sở Văn hóa Khu tự trị Việt Bắc.
3. Hoàng Đức Chung (1999), *Lầu Then Bjoócma của người Tày huyện Vị Xuyên*, Hà Giang, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hiền (1998), “Người diễn xướng Then - nghệ nhân hát dân ca và thầy Saman”, *Hội thảo quốc tế Việt Nam học*.
5. Nguyễn Thị Hiền (2000), “Người diễn xướng Then - nghệ nhân hát dân ca và thầy Saman”, *Tạp chí Văn học*, Số 5.
6. Nhiều tác giả (1978), *Máy vấn đề về Then Việt Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
7. Lục Văn Páo (1992), *Pụt Tày*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Võ Quang Trọng (2003), “Bước đầu so sánh nghi lễ hầu đồng của người Việt và nghi lễ Then của người Tày”, *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, Số 7.
9. Đoàn Thị Tuyền (1999), “Đạo Then trong đời sống tâm linh của người Tày - Nùng Lạng Sơn”, Khóa luận tốt nghiệp Khoa Sử, Đại học KHXH&NV Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Yên (2005), “*Then cấp sắc của người Tày huyện Quảng Uyên, Cao Bằng*”, Luận án Tiến sĩ Văn hoá học, Viện Nghiên cứu văn hoá.
11. Nguyễn Thị Yên (2006), *Then Tày*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.